

QUỸ ETF SSIAM VN30

Số/Ng: 1948/2025/TBNV-SSIAM-NVQ

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔIANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VN30
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUSSV30
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 12/12/2025
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
1	ACB	3,500	3.50%
2	BCM	100	0.27%
3	BID	200	0.31%
4	CTG	600	1.25%
5	DGC	400	1.58%
6	FPT	2,600	10.42%
7	GAS	200	0.52%
8	GVR	200	0.22%
9	HDB	2,300	3.05%
10	HPG	7,800	8.64%
11	LPB	2,300	4.27%
12	MBB	3,200	3.32%
13	MSN	1,600	5.08%
14	MWG	2,000	6.87%
15	PLX	200	0.29%
16	SAB	200	0.44%
17	SHB	2,600	1.77%
18	SSB	1,200	0.87%
19	SSI	1,100	1.33%
20	STB	1,400	2.79%
21	TCB	3,100	4.32%
22	TPB	1,200	0.84%
23	VCB	700	1.68%



f

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
24	VHM	1,000	4.22%
25	VIB	1,600	1.21%
26	VIC	2,200	13.41%
27	VJC	400	3.14%
28	VNM	1,500	3.85%
29	VPB	3,800	4.46%
30	VRE	1,600	1.97%
I	Chứng khoán/Stock	2,297,985,000	95.91%
II	Tiền/Cash(VND)	97,968,630	4.09%
III	Tổng/Total (=I+II)	2,395,953,630	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoàn đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	2,297,985,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	2,395,953,630
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	97,968,630

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	SSI	29,050	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	BID	37,600	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC
3	TCB	33,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 12/12/2025	Kỳ trước/Last Period(**) 11/12/2025	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0.00	0.00	0.00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0.00	0.00	0.00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	9,000,000.00	9,000,000.00	0.00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	24,490.00	24,520.00	-30.00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date	0.00	0.00	0.00
của quỹ ETF/ of the Fund	215,635,826,713.00	218,183,860,285.00	-2,548,033,572.00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	2,395,953,630.00	2,424,265,114.00	-28,311,484.00
của 1 CCQ/ per Share	23,959.53	24,242.65	-283.12
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,867.03	1,924.29	-57.26

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 11/12/2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 10/12/2025

Đại diện tổ chức
Organization representative



Trần Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC